

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai thí điểm Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID và hoàn thiện nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06); Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/5/2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID; Quyết định số 2733/QĐ-BYT ngày 17/9/2024 ban hành hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VneID (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2733/QĐ-BYT) và để triển khai mô hình, giải pháp liên quan đến Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

a) Đảm bảo việc triển khai thực hiện thí điểm Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID (kết nối, hiển thị thông tin sổ sức khỏe điện tử của người dân trên ứng dụng VNeID) và hoàn thiện nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo của Tổ công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Y tế.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm kết nối các thông tin, dữ liệu điện tử hình thành trong quá trình khám, chữa bệnh của người dân tại các cơ sở y tế thành Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử phục vụ công tác quản lý chuyên ngành Y tế được đầy đủ, chính xác, kịp thời; hỗ trợ công tác tổng hợp, phân tích thông tin dữ liệu, giúp việc dự báo, hoạch định chính sách, chỉ đạo hiệu quả về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

c) Trên cơ sở khai thác, sử dụng các tiện ích từ Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử giúp người dân có thể theo dõi, quản lý thông tin sức khỏe của bản thân liên tục, suốt đời; chủ động trong việc phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe bản thân, giảm các chi phí khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.



## 2. Yêu cầu

a) Các trường thông tin, dữ liệu để tạo lập Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử (hiển thị trên các ứng dụng phục vụ người dân) cần đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn và quy định của ngành Y tế và Bộ Công an.

b) Dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử được kết nối, chia sẻ và hiển thị thông tin sức khỏe người dân trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Y tế. Việc triển khai Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh cần đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý sức khỏe; các chức năng, tính năng kỹ thuật phù hợp với hướng dẫn của Bộ Y tế; đảm bảo việc chia sẻ thông tin, dữ liệu và các quy định về an toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin trong quá trình lưu trữ, khai thác dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử của người dân; không để thất thoát, lộ lọt và sử dụng dữ liệu vào mục đích bất hợp pháp.

d) Việc triển khai thí điểm được thực hiện theo lộ trình của Bộ Y tế, sau thời gian thí điểm sẽ đánh giá sơ kết, tổng kết và nhân rộng ra tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Trong quá trình triển khai thực hiện tiếp tục cập nhật, điều chỉnh phù hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

## II. MỤC TIÊU

1. Phần đầu đến năm 2030, 80% công dân thường trú trên địa bàn tỉnh tích hợp thẻ BHYT, sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại trên VneID, tương ứng bằng tỷ lệ công dân đã được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

2. Phần đầu đến năm 2030, tỷ lệ người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh đạt 80% so với tổng số người dân đến khám chữa bệnh.

## III. PHẠM VI, ĐIỀU KIỆN THAM GIA THÍ ĐIỂM

### 1. Phạm vi thí điểm

Tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh có thực hiện khám, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh, áp dụng cho tất cả loại hình khám bệnh ngoại trú, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị ban ngày, kê đơn lĩnh thuốc theo hẹn, khám chữa bệnh từ xa.

### 2. Điều kiện tham gia thí điểm

Các cơ sở khám, chữa bệnh chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tham gia thí điểm gồm: Máy tính có kết nối internet; Phần mềm quản lý thông tin khám, chữa bệnh có thể ghi nhận được các thông tin của Sổ sức khỏe điện tử VNeID, đồng thời được cấu hình để liên thông dữ liệu theo chuẩn và định dạng dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định,



thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan (sau đây viết tắt là Quyết định số 130/QĐ-BYT) và Quyết định 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan (sau đây viết tắt là Quyết định số 4750/QĐ-BYT); Chữ ký số, chứng thư số của cơ sở khám, chữa bệnh để ký số xác thực dữ liệu trước khi liên thông lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT; Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng tại cơ sở và bảo đảm bảo mật thông tin khi kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu; Có quy chế sử dụng và quy trình triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phê duyệt.

#### **IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM**

##### **1. Xây dựng và tổ chức triển khai thí điểm việc hiển thị thông tin Sổ sức khỏe điện tử cá nhân trên ứng dụng VNeID**

- Triển khai liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID theo quy trình tại Điều 5 Phụ lục 01 về Hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử VNeID theo Quyết định số 2733/QĐ-BYT.

- Triển khai sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh theo quy trình tại Điều 6 Phụ lục 01 về Hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử VNeID theo Quyết định số 2733/QĐ-BYT.

*(Có Phụ lục 01 hướng dẫn thí điểm thực hiện sổ sức khỏe điện tử VNeID và Phụ lục 02 đặc tả dữ liệu sổ sức khỏe điện tử VNeID theo Quyết định số 2733/QĐ-BYT).*

- Truyền thông, khuyến khích người dân cài đặt và kích hoạt VNeID mức 2 và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng khi tham gia khám, chữa bệnh.

- Đánh giá những kết quả đạt được, các vấn đề vướng mắc, khó khăn và các vấn đề cần báo cáo, xin ý kiến, đề xuất và khuyến nghị thực hiện.

##### **2. Xây dựng, phát triển Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử để phục vụ công tác quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh**

- Xây dựng, phát triển Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo sẵn sàng nhận dữ liệu chia sẻ từ Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Quyết định số 2733/QĐ-BYT.

- Tích hợp, kết nối liên thông với các dữ liệu sẵn có như: Dữ liệu các đối tượng tham gia tiêm chủng Covid-19; tiêm chủng mở rộng; tích hợp, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh từ các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh; cập nhật các thông tin y tế có sẵn được quản lý tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn: phòng, chống suy dinh dưỡng; quản lý bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm... để hình thành Kho dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo đầy đủ các



trường thông tin theo mẫu tại Quyết định số 831/QĐ- BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; đáp ứng đúng theo quy định tại Quyết định số 130/QĐ- BYT, Quyết định số 4750/QĐ-BYT.

- Thực hiện việc khám lập để cập nhật thông tin sức khỏe của người dân vào Hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc thiết lập Hồ sơ sức khỏe điện tử; huy động sự tham gia của các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể tại các địa phương. Vận động người dân chủ động, tích cực thực hiện việc cung cấp và cập nhật thông tin vào Hồ sơ sức khỏe điện tử. Tuyên truyền để người dân biết để đăng ký và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh.

- Đánh giá những kết quả đạt được, các vấn đề vướng mắc, khó khăn và các vấn đề cần báo cáo, xin ý kiến, đề xuất và khuyến nghị thực hiện.

## **V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI**

### **1. Giai đoạn 1**

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành việc đăng ký và cấp mã liên thông dữ liệu của cơ sở khám, chữa bệnh.

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thiện, đảm bảo các điều kiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch triển khai thí điểm, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện.

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn triển khai liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT.

- Tổ chức tuyên truyền, khuyến khích người dân cài đặt và kích hoạt VNeID mức 2 và tuyên truyền Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

- Thời gian hoàn thành giai đoạn 1 trước ngày 31/12/2024.

### **2. Giai đoạn 2**

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tiếp nhận, đăng ký khám chữa bệnh sử dụng số thẻ BHYT, số thẻ căn cước, số định danh cá nhân trên thẻ nhựa hoặc trên VNeID.

- Tiếp nhận khám bệnh, chữa bệnh bằng Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

- Phấn đấu 60% công dân thường trú trên địa bàn tỉnh tích hợp thông tin thẻ BHYT, sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại trên VNeID.

- Phấn đấu tỷ lệ người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh đạt 50% so với tổng số người dân đến khám chữa bệnh.

- Đánh giá sơ kết giai đoạn triển khai thí điểm.



- Thời gian hoàn thành giai đoạn 2 trước ngày 31/12/2026.

### **3. Giai đoạn 3**

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ, đánh giá kết quả triển khai tại các huyện/thị xã/thành phố để đưa vào tiêu chí đánh giá chung toàn tỉnh.

- Phần đầu 80% công dân thường trú trên địa bàn tỉnh tích hợp thông tin thẻ BHYT, sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại trên VNeID.

- Phần đầu tỷ lệ người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh đạt 80% so với tổng số người dân đến khám chữa bệnh.

- Đánh giá tổng kết giai đoạn triển khai thí điểm.

- Thời gian hoàn thành giai đoạn 3 trước ngày 31/6/2030 (trong trường hợp điều kiện thuận lợi, hoặc do yêu cầu của Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, UBND tỉnh có thể điều chỉnh, rút ngắn thời hạn hoàn thành giai đoạn 3).

4. Lộ trình chia sẻ dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID cho Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử của tỉnh sẽ dựa trên lộ trình kết nối, chia sẻ dữ liệu của Bộ Công an.

## **VI. NGUỒN KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Là đầu mối liên hệ, phối hợp với Bộ Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để bám sát, triển khai các nhiệm vụ chung; Tham mưu, đề xuất các vấn đề liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, triển khai thực hiện thí điểm hiển thị thông tin sức khỏe cá nhân trên ứng dụng VNeID. Chủ trì, vận hành Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử của tỉnh.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu, đề xuất việc triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ liên quan đến việc thực hiện Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Cấp mã cơ sở khám, chữa bệnh cho các cơ sở chưa có mã. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc triển khai liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT.



- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

+ Lập kế hoạch triển khai, phân công cán bộ chuyên môn xây dựng quy trình triển khai ghi nhận thông tin, phân công cán bộ công nghệ thông tin xây dựng quy trình liên thông dữ liệu kịp thời.

+ Thực hiện tiếp nhận khám, chữa bệnh bằng một trong các số định danh sau: thẻ căn cước, số định danh cá nhân, số thẻ BHYT cho tất cả đối tượng người bệnh.

+ Bảo đảm việc ghi nhận, ký số và liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, tiếp nhận khám bệnh, chữa bệnh bằng Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

+ Đào tạo tập huấn cho bác sỹ và nhân viên y tế bảo đảm ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định, thực hiện tóm tắt hồ sơ bệnh án, tóm tắt quá trình điều trị để cung cấp thông tin cho Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

+ Bảo đảm liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT sau khi người bệnh kết thúc đợt khám bệnh, chữa bệnh.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

## **2. Công an tỉnh**

- Làm đầu mối, tham mưu với Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an để chia sẻ dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID cho Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử của tỉnh để làm giàu dữ liệu Hồ sơ sức khỏe cá nhân phục vụ công tác quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Quyết định số 2733/QĐ-BYT.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt ứng dụng VNeID, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2, tích hợp thẻ BHYT vào VNeID để liên thông dữ liệu sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại trên VNeID. Tuyên truyền, phổ biến người dân biết và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID khi tham gia khám, chữa bệnh.

- Phần đầu trước ngày 31/12/2026, 65% công dân thường trú trên địa bàn tỉnh có tài khoản định danh điện tử mức độ 2; Phần đầu trước ngày 31/6/2030, 80% công dân thường trú trên địa bàn tỉnh có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 để đảm bảo đạt các mục tiêu mà Kế hoạch đề ra.

## **3. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

- Đảm bảo hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lên Cổng tiếp nhận dữ liệu Giám định BHYT.

- Chủ trì, liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID để hiển thị lên ứng dụng VNeID trong vòng 24h kể từ khi nhận được dữ liệu.



- Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

#### **4. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin do Sở Y tế quản lý kết nối với ứng dụng VNeID.

- Phối hợp với Sở Y tế, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của Sổ sức khỏe điện tử; huy động sự tham gia của các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể tại địa phương. Phối hợp tuyên truyền để người dân biết để đăng ký và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh.

#### **5. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh việc đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

#### **6. Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình**

Chủ động phối hợp Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác tuyên truyền; mở chuyên mục, tăng cường tin, bài, thời lượng phát sóng tuyên truyền về lợi ích, ý nghĩa của Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

#### **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

- UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp với cơ sở y tế trong triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử dưới mọi hình thức để các đơn vị, tổ chức, người dân biết và tham gia thực hiện.

#### **8. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, phần mềm trên địa bàn tỉnh**

- Đảm bảo các phần mềm, dịch vụ cung cấp cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu về liên thông, chia sẻ dữ liệu theo Quyết định số 2733/QĐ-BYT, Thông tư số 38/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 Quy định xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế và các yêu cầu tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Bố trí nhân sự, nguồn lực sẵn sàng phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Bảo hiểm xã hội và các đơn vị liên quan khác chia sẻ, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Y tế.

- Chuẩn bị các nguồn lực, hạ tầng, sẵn sàng phương án nhận dữ liệu chia sẻ từ Bộ Công an cho Nền tảng quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Tổ CTTK Đề án 06 của Chính phủ;
- Các Bộ: Công An, Y tế;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ CTTK Đề án 06 tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp cung cấp phần mềm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC-VX, KSTTHC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



---

**Hoàng Xuân Tân**



## PHỤC 01:

### HƯỚNG DẪN THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN SỔ SỨC KHOẺ ĐIỆN TỬ VNeID

#### **Điều 1.** Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID thực hiện theo Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/05/2024 (Quyết định 1332/QĐ-BYT) của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID (Phụ lục 02).

2. Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID được thực hiện theo Quyết định số 130/QĐ-BYT và Quyết định 4750/QĐ-BYT về chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

3. Sử dụng Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT) của Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 2.** Người bệnh không có thẻ BHYT sử dụng số Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân trên thẻ cứng hoặc trên ứng dụng VNeID làm số định danh người bệnh để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

**Điều 3.** Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sử dụng mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo Quyết định 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định nguyên tắc cấp mã cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh làm số định danh cơ sở khám chữa bệnh để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

#### **Điều 4.** Chuẩn bị liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Máy tính có kết nối Internet.

2. Phần mềm quản lý thông tin khám, chữa bệnh có thể ghi nhận được các thông tin của Sổ sức khỏe điện tử VNeID, đồng thời được cấu hình để liên thông dữ liệu theo chuẩn và định dạng dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 130/QĐ-BYT và Quyết định 4750/QĐ-BYT.

3. Chữ ký số, chứng thư số của cơ sở khám, chữa bệnh để ký số xác thực dữ liệu trước khi liên thông lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT.

4. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng tại cơ sở và bảo đảm bảo mật thông tin khi kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu.

5. Có quy chế sử dụng và quy trình triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phê duyệt.

#### **Điều 5.** Quy trình liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID

Dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID được tích hợp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về BHYT, là một phần của dữ liệu thanh quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT, nên sử dụng quy trình liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh BHYT lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, bao gồm các bước sau:



1. *Bước 1. Đăng ký mã liên thông dữ liệu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:* các cơ sở chưa có mã liên thông dữ liệu trên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT liên hệ với cơ quan quản lý chuyên môn y tế để được cấp.

2. *Bước 2: Đăng ký tài khoản liên thông Số sức khỏe điện tử VNeID:* cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa có tài khoản liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT thì thực hiện đăng ký tài khoản liên thông theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. *Bước 3: Cấu hình liên thông dữ liệu:* cấu hình liên thông dữ liệu Số sức khỏe điện tử VNeID theo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 130/QĐ-BYT và Quyết định số 4750/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

4. *Bước 4. Tiếp nhận đăng ký khám chữa bệnh sử dụng Số thẻ BHYT, Số Thẻ Căn cước, Số định danh cá nhân:* cơ sở khám, chữa bệnh tiếp nhận người bệnh đăng ký khám chữa bệnh sử dụng số thẻ BHYT, số Thẻ Căn cước, số định danh cá nhân, trên thẻ nhựa hoặc trên VNeID.

5. *Bước 5. Ghi nhận thông tin khám chữa bệnh:* bác sĩ, nhân viên y tế ghi nhận thông tin và số hoá dữ liệu sức khỏe của người bệnh trên phần mềm quản lý khám chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu ban hành kèm Quyết định 1332/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID.

6. *Bước 6. Ký số dữ liệu và liên thông dữ liệu:* cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký số dữ liệu và liên thông dữ liệu thanh toán khám chữa bệnh BHYT về Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT sau khi người bệnh kết thúc đợt khám chữa bệnh.

7. *Bước 7. Chia sẻ dữ liệu hiển thị trên VNeID:* Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam trích xuất dữ liệu Số sức khỏe điện tử VNeID theo Quyết định 1332/QĐ-BYT để hiển thị trên ứng dụng VNeID trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được dữ liệu.

#### **Điều 6. Sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh**

1. *Bước 1. Đăng ký và tạo tài khoản, xác thực:* người dân cần cài đặt ứng dụng VNeID và đã xác thực định danh mức độ 2, tích hợp thông tin thẻ BHYT (nếu có). Đăng nhập ứng dụng VNeID và truy cập vào ứng dụng “Số sức khỏe điện tử”, đọc điều khoản và nhấn “Đồng ý sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID”. Bổ sung đầy đủ các thông tin cá nhân như tên, ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, và thông tin y tế cơ bản khác.

2. *Bước 2. Người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám, chữa bệnh:* người dân khi đi khám chữa bệnh nếu có Sổ sức khỏe điện tử VNeID đề nghị xuất trình Sổ sức khỏe VNeID thay cho sổ giấy.

3. *Bước 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận thông tin trong Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi khám, chữa bệnh:* bác sĩ, nhân viên y tế sử dụng thông tin có trong Sổ sức khỏe VNeID của người bệnh để khai thác thông tin hành chính, ra quyết định hỗ trợ chẩn đoán, điều trị.

*Chú ý: các thông tin trên VNeID có giá trị như trên bản giấy:* thông tin cá nhân; số định danh công dân; thông tin thẻ BHYT; lịch sử khám, chữa bệnh; phiếu hẹn khám lại; giấy chuyển tuyến trên ứng dụng VNeID có giá trị như trên bản giấy.

4. *Bước 4. Ghi nhận và liên thông kết quả khám, chữa bệnh:* các thông tin tóm tắt quá trình khám, chữa bệnh được bác sĩ và nhân viên y tế ghi nhận trên hệ thống phần mềm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, và liên thông lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám



định BHYT sau khi kết thúc để tiếp tục hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID phục vụ các lần khám bệnh, chữa bệnh tiếp theo.

5. *Bước 5. Đăng xuất ứng dụng:* đăng xuất khỏi tài khoản VNeID trước khi thay đổi thiết bị để bảo vệ thông tin cá nhân và thông tin sức khỏe.

**Điều 7. Bảo mật thông tin cá nhân trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID**

1. Thông tin sức khỏe cá nhân trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID có chế độ bảo mật như những thông tin khác trên VNeID.

2. Bác sĩ điều trị, nhân viên y tế trong quá trình khám, chữa bệnh cho người bệnh được truy cập và sử dụng thông tin trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID của người bệnh.

3. Người giám hộ, người nuôi dưỡng chính, người đại diện hợp pháp được quản lý Sổ sức khỏe điện tử VNeID của người phụ thuộc trong trường hợp người phụ thuộc không tự quản lý được Sổ sức khỏe điện tử VNeID của mình: trẻ em, người già, người khuyết tật, người đang trong tình trạng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 15 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

4. Bộ Y tế là “Bên kiểm soát” đối với dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, việc chia sẻ dữ liệu sức khỏe trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID phải được sự đồng ý của Bộ Y tế.

**Điều 8. Báo cáo tình hình triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID**

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần trên trang báo cáo trực tuyến của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế (cdc.kcb.vn), gồm các nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và liên thông dữ liệu:

TT	Loại hình khám bệnh, chữa bệnh	Sử dụng thẻ BHYT		Không sử dụng BHYT	
		Số lượt	Đã liên thông	Số lượt	Đã liên thông
1	Khám bệnh ngoại trú				
2	Điều trị ngoại trú				
3	Lĩnh thuốc theo hẹn				
4	Điều trị nội trú				
5	Điều trị ban ngày				
6	Khám chữa bệnh từ xa				
	<b>Cộng</b>				

2. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất (nếu có)



**PHỤ LỤC 02:**

**ĐẶC TẢ DỮ LIỆU SỔ SỨC KHOẺ ĐIỆN TỬ VNEID BAN HÀNH KÈM THEO  
QUYẾT ĐỊNH 1332/QĐ-BYT TRONG CHUẨN ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU BAN  
HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH 130/QĐ-BYT VÀ QUYẾT ĐỊNH 4750/QĐ-BYT**

TT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH</b>				
	<i>1.1. Thông tin định danh</i>				
1	Họ và tên	Là họ và tên của người dân.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	HO_TEN	
2	Ngày tháng năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh của người dân, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_SINH	
3	Giới tính	Là mã giới tính của người dân (1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định).	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	GIOI_TINH	
4	Dân tộc	Ghi mã dân tộc của người dân (thực hiện theo Danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê để điền chi tiết). Tra cứu mã dân tộc tại đường link: <a href="http://tongdieutradanso.vn/danh-muc-cac-dan-toc-viet-nam.html">http://tongdieutradanso.vn/danh-muc-cac-dan-toc-viet-nam.html</a>	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_DANTOC	
5	Quốc tịch	Ghi mã quốc tịch của người dân theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_QUOCTICH	



6	Nghề nghiệp	Ghi mã nghề nghiệp của người dân. Thực hiện ghi mã nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tra cứu mã nghề nghiệp tại đường link: <a href="https://luatvietnam.vn/la-o-dong/quyet-dinh-34-2020-qd-ttg-danh-muc-nghe-nghiep-viet-nam-194623-dl.html">https://luatvietnam.vn/la-o-dong/quyet-dinh-34-2020-qd-ttg-danh-muc-nghe-nghiep-viet-nam-194623-dl.html</a>	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_NGHE_NGHIEP	
7	Số định danh cá nhân / Số thẻ Căn cước	Ghi số căn cước công dân hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu của người dân. Trường hợp không có số căn cước công dân hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu thì sử dụng mã tài khoản định danh điện tử.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	SO_CCCD	
8	Mã số thẻ BHYT	Ghi mã thẻ BHYT của người dân do cơ quan BHXH cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_THE_BHYT	
9	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Ghi mã cơ sở KBCB nơi người dân đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT, gồm có 05 ký tự.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_DKBD	
10	Số điện thoại liên hệ	Ghi số điện thoại liên lạc của người dân hoặc của thân nhân người dân. Trường thông tin này chỉ ghi khi người dân cung cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	DIEN_THOAI	
<b>1.2. Địa chỉ nơi cư trú</b>					
11a	Nơi cư trú hiện tại: thôn xóm, số nhà, đường phố ...	Ghi địa chỉ nơi cư trú hiện tại của người dân.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	DIA_CHI	
11b	Nơi cư trú hiện tại: tỉnh, thành phố	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi theo 02 ký tự cuối của	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MATINH_CU_TRU	



		<i>mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người dân cư trú (Quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 07/2016/TT- BCA ngày 01 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an).</i>			
11c	Nơi cư trú hiện tại: huyện, quận, thị xã	<i>Mã đơn vị hành chính cấp huyện nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi mã đơn vị hành chính cấp huyện theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục mã đơn vị hành chính.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MAHUYEN _CU_TRU	
11d	Nơi cư trú hiện tại: xã, phường, thị trấn	<i>Mã đơn vị hành chính cấp xã nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi mã đơn vị hành chính cấp xã theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục mã đơn vị hành chính.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MAXA_CU_ TRU	
	<b>1.3. Thông tin người giám hộ, người chăm sóc chính, người đại diện (nếu có)</b>				Phối hợp với C06 để thống nhất phương án xử lý, từ VNeID của người giám hộ, người chăm sóc, hoặc người đại diện chính
12	Họ và tên				x
13	Mối quan hệ				x
14	Số định danh công dân, thẻ căn cước				x



15	Số điện thoại liên hệ của người đại diện				X
	<b>II. TIỀN SỬ</b>	<b>Tổng hợp kết quả khám chữa bệnh ở mục III.</b> <b>THÔNG TIN ĐỢT KHÁM CHỮA BỆNH</b>			
16	Ngày khám bệnh, ngày ra viện	Hiển thị dạng text định dạng ngày vào ngày ra định dạng ddMMyyyy HH:ss - ddMMyyyy HH:ss	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_VA O NGAY_RA	
17a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Ghi mã cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_CSKCB	
17b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Ghi tên cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_CSKCB ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
18	Chẩn đoán xác định khi ra viện	Ghi đầy đủ chẩn đoán xác định bệnh chính, bệnh kèm theo và/hoặc các triệu chứng hoặc hội chứng, được bác sỹ ghi trong hồ sơ KBCB tại thời điểm kết thúc KBCB đối với người dân.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	CHAN_DO AN_RV	
19a	Mã bệnh theo ICD-10	Nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu ";" và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHCT	Bổ sung nhóm mã Tiêm vắc-xin / mũi tiêm vào mã chẩn đoán để hiển thị Tiền sử tiêm chủng
19b	Tên bệnh theo ICD-10	Tên bệnh phân biệt giữa mã và tên bệnh bằng dấu "-", nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu ";" và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHC từ danh	



				mục bệnh của BHXH Việt Nam ra tên bệnh; với tên bệnh chính là bệnh đầu tiên	
	<b>III. THÔNG TIN ĐỢT KHÁM CHỮA BỆNH</b>				
	<i>3.1. Thông tin đợt khám, chữa bệnh</i>				
20a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị	<i>Ghi mã cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MA_CSKCB	
20b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị	<i>Ghi Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	Phiên từ MA_CSKCB ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
21a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã chuyển người dân đi (nếu có)	<i>Ghi mã cơ sở KBCB nơi chuyển người dân do cơ quan có thẩm quyền cấp. Ghi thông tin trường này trong trường hợp chuyển tuyến khám chữa bệnh hoặc người dân đến khám lại theo giấy hẹn quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 30/2020/TT-BYT hoặc lĩnh thuốc tại TYT xã theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MA_NOI_DI	
21b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã chuyển	<i>Ghi tên cơ sở KBCB nơi chuyển người dân do cơ quan có thẩm quyền cấp. Ghi thông tin trường này</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	Phiên từ MA_NOI_DI ra tên CSKCB từ	



	người dân đi (nếu có)	<i>trong trường hợp chuyển tuyến khám chữa bệnh hoặc người dân đến khám lại theo giấy hẹn quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 30/2020/TT-BYT hoặc lĩnh thuốc tại TYT xã theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.</i>		CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
22	Lý do đến khám bệnh, chữa bệnh	<i>Ghi lý do đến KBCB của người dân;</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	LY_DO_VV	
23	Loại hình khám bệnh, chữa bệnh	<i>Ghi mã hình thức KBCB theo Bộ mã DMDC do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MA_LOAI_KCB	
24	Ngày giờ vào viện, đến khám	<i>Ghi thời điểm người dân đến KBCB, gồm 12 ký tự, theo định dạng yyyymmddHHMM</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	NGAY_VA O	
25	Ngày giờ ra viện (kết thúc đợt điều trị)	<i>Ghi thời điểm người dân kết thúc điều trị nội trú, kết thúc điều trị nội trú ban ngày, kết thúc điều trị ngoại trú hoặc kết thúc khám bệnh, gồm 12 ký tự theo định dạng yyyymmddHHMM</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	NGAY_RA	
26	Kết quả điều trị	<i>Ghi mã kết quả điều trị, trong đó: - Mã "1": Khỏi; - Mã "2": Đỡ; - Mã "3": Không thay đổi; - Mã "4": Nặng hơn; - Mã "5": Tử vong; - Mã "6": Tiên lượng nặng xin về; - Mã "7": Chưa xác định (không thuộc một trong các mã kết quả điều trị nêu trên).</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	KET_QUA_DTRI	
27	Tình trạng ra viện	<i>Ghi mã loại ra viện, trong đó: - Mã "1": Ra viện;</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	MA_LOAI_RV	



		<p>- Mã "2 Chuyển tuyến theo yêu cầu chuyên môn;</p> <p>- Mã "3 ": Trốn viện;</p> <p>- Mã "4": Xin ra viện;</p> <p>- Mã "5 ": Chuyển tuyến theo yêu cầu người dân.</p>			
28a	Mã cơ sở KCB nơi chuyển người bệnh đến do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)	Ghi mã cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_NOI_D EN	
28b	Tên cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến (nếu có)	Ghi tên cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_NOI_D EN ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
	<b>3.2. Chẩn đoán xác định khi ra viện</b>				
29	Chẩn đoán xác định khi ra viện	Ghi đầy đủ chẩn đoán xác định, gồm: bệnh chính, biến chứng, bệnh kèm theo, nguyên nhân hoặc nếu không có chẩn đoán bệnh thì ghi các triệu chứng, hoặc rối loạn, bất thường của người bệnh.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	CHAN_DOA N_RV	
30a	Mã bệnh theo ICD-10	Nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu ";" và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_BENH_ CHINH; MA_BENH_ KT; MA_BENH_ YHCT	
30b	Tên bệnh theo ICD-10	Tên bệnh phân biệt giữa mã và tên bệnh bằng dấu "-", nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu ";" và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên MA_BENH_ CHINH; MA_BENH_ KT; MA_BENH_ YHC từ danh mục bệnh của BHXH Việt	



				Nam ra tên bệnh; với tên bệnh chính là bệnh đầu tiên	
31	Ghi chú (bổ sung các thông tin nếu cần thiết)	<i>Ghi lời dặn của bác sĩ hoặc nhân viên y tế đối với người dân sau khi kết thúc lần KBCB.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	GHI_CHU	
	<b>3.3. Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị</b>				
32a	Mã nhóm cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	<i>Ghi mã nhóm theo chi phí, dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các nhóm, ghi theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 5937/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc quyết định tương đương thay thế.</i>	<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	MA_NHOM	
32b	Nhóm cận lâm sàng, chỉ số theo dõi		<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	Phiên MA_NHOM sang tên Nhóm	
33a	Mã cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	<i>Ghi mã dịch vụ kỹ thuật hoặc mã tiền khám hoặc mã tiền giường bệnh theo hạng bệnh viện theo quy định tại Bộ mã DMDC do Bộ Y tế ban hành.</i>	<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	MA_DICH_VU	
33b	Tên cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	<i>Ghi tên dịch vụ kỹ thuật hoặc tên dịch vụ khám bệnh hoặc tên giường bệnh đề nghị quỹ BHYT thanh toán.</i>	<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	TEN_DICH_VU	
34a	Mã chỉ số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết	<i>Ghi Mã chỉ số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết.</i>	<i>Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng</i>	MA_CHI_SO	
34b	Tên chỉ số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết	<i>Ghi Tên chỉ số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết.</i>	<i>Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng</i>	Phiên MA_CHI_SO sang tên Chỉ số	



35	Kết quả	Ghi giá trị chỉ số.	Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	GIA_TRI	
36	Kết luận	Ghi các kết luận của người đọc kết quả.	Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	KET_LUAN	
37	Ngày giờ thực hiện	Ghi thời điểm có kết quả cận lâm sàng; gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: <i>yyyymmddHHMM</i> , trong đó: 04 ký tự năm (yyyy) + 02 ký tự tháng (mm) + 02 ký tự ngày (dd) + 02 ký tự giờ, tính theo 24 giờ (HH) + 02 ký tự phút (MM).	Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	NGAY_KQ	
38	Liên kết đến kết quả cận lâm sàng trên hệ thống khác	Bổ sung link Pacs hoặc link xét nghiệm.	Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	LINK_PACS	x
	<b>3.4. Thuốc đã điều trị, đơn đã kê</b>				
39a	Mã thuốc điều trị	Ghi mã hoạt chất theo quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành.	Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc	MA_THUOC	
39b	Tên thuốc, hàm lượng	Ghi tên thuốc theo đúng tên thuốc được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, dược cổ truyền cấp số đăng ký. Trường hợp thuốc do cơ sở KBCB tự bào chế, chế biến thì ghi tên thuốc theo đúng hồ sơ được người đứng đầu cơ sở KBCB phê duyệt + Ghi hàm lượng của thuốc theo kết quả trúng thầu (Ghi đúng hàm lượng của thuốc được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, dược cổ truyền cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc hàm lượng điều chỉnh theo văn bản của Cục Quản lý	Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc	TEN_THUOC, HAM_LUONG	



		<i>Dược hoặc Cục Quản lý Y, dược cổ truyền hoặc do cơ sở KBCB tự bào chế).</i>			
39c	Đơn vị tính	<i>Ghi đơn vị tính nhỏ nhất, đơn vị tính của thuốc thực tế sử dụng cho người dân.</i>	<i>Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc</i>	DON_VI_TI NH	
39d	Đường dùng	<i>Ghi mã đường dùng tương ứng với đường dùng của thuốc theo thông tin được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, dược cổ truyền cấp giấy đăng ký lưu hành.</i>	<i>Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc</i>	DUONG_D UNG	
39e	Số lượng	<i>Ghi số lượng thuốc thực tế sử dụng cho người dân, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.</i>	<i>Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc</i>	SO_LUONG	
39g	Liều dùng	<i>Ghi liều dùng thuốc cho người dân, cụ thể: - Đối với ngoại trú, được thể hiện bằng: số lượng thuốc dùng trong một lần sử dụng * số lần trong ngày * số ngày sử dụng [tổng số thuốc/ngày]. Ví dụ: liều dùng của thuốc A: 2 viên/lần, 2 lần/ngày, sử dụng trong 5 ngày thì được ghi như sau: 2 viên/lần * 2 lần/ngày * 5 ngày [4 viên/ngày]. - Đối với nội trú, được thể hiện bằng: số lượng thuốc dùng trong một lần sử dụng * số lần trong ngày * 01 ngày [tổng số thuốc/ngày].</i>	<i>Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc</i>	LIEU_DUN G	



39h	Cách dùng	<i>Ghi lời dặn của thầy thuốc trên đơn thuốc hoặc y lệnh.</i>	<i>Bảng 2. Chi tiêu chi tiết thuốc</i>	CACH_DUN G	
	<b>3.5. Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện</b>				
40a	Mã phẫu thuật, thủ thuật	<i>Mã phẫu thuật, hoặc thủ thuật từ loại 3 trở lên</i>	<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	MA_DICH_VU	Lấy dịch vụ có MA_NHO M = 8 hoặc MA_NHO M = 18
40b	Tên phẫu thuật, thủ thuật	<i>Tên phẫu thuật, hoặc thủ thuật từ loại 3 trở lên</i>	<i>Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế</i>	TEN_DICH_VU	
	<b>3.6 Tóm tắt quá trình điều trị, tình trạng người bệnh</b>				
41	Tóm tắt tiền sử, bệnh sử và diễn biến lâm sàng	<i>Tóm tắt tiền sử, bệnh sử và tình trạng lúc vào viện, diễn biến lâm sàng đặc biệt trong quá trình điều trị, kết quả điều trị, tình trạng đáp ứng. Chú ý các tình trạng đặc biệt: dị ứng, không đáp ứng điều trị, các biến chứng hoặc vấn đề phát sinh.</i>	<i>Bảng 8. Chi tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án</i>	QT_BENHL Y	
42	Tóm tắt kết quả cận lâm sàng có giá trị	<i>Tóm tắt kết quả cận lâm sàng quan trọng có giá trị chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, điều trị, theo dõi, tiên lượng, chăm sóc.</i>	<i>Bảng 8. Chi tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án</i>	TOMTAT_K Q	
43	Tóm tắt phương pháp điều trị đã thực hiện	<i>Tóm tắt phương pháp điều trị đã thực hiện, tóm tắt tường trình phẫu thuật đối với các trường hợp có cắt, lấy bỏ một phần hoặc toàn bộ cơ quan, cấu trúc giải phẫu, các biến chứng về phẫu thuật, thủ thuật (nếu có).</i>	<i>Bảng 8. Chi tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án</i>	PP_DIEUTR I	
44	Hướng điều trị tiếp theo, kê đơn, lời dặn, lịch tái khám	<i>Hướng điều trị tiếp theo, kê đơn, lời dặn, lịch tái khám, hướng dẫn cụ thể về việc chăm sóc sau khi xuất viện, bao gồm chế</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	GHI_CHU và NGAY_TAI _KHAM	



		<i>độ ăn uống, nghỉ ngơi, bài tập thể dục hoặc các biện pháp tự chăm sóc khác.</i>			
45	Bác sĩ điều trị	<i>Bác sĩ điều trị bệnh chính</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	BAC_SI_DT RI	x
46	Số điện thoại liên hệ của bác sĩ (nếu có)	<i>Số điện thoại liên hệ của bác sĩ (nếu có) để bệnh nhân hoặc gia đình có thể liên hệ nếu cần hỗ trợ hoặc tư vấn.</i>	<i>Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh</i>	DIEN_THO AI_BAC_SI	x

**Ghi chú:** Dấu “x” ở Cột (6) có nghĩa là dữ liệu chưa có trong chuẩn dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 130/QĐ-BYT và Quyết định 4750/QĐ-BYT.